BỘ Y TẾ

BỘ Y TẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2020/TT-BYT	*Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2020*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục hoạt chất cấm sử dụng và hạn chế phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế,

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư ban hành Danh mục hoạt chất cấm sử dụng và hạn chế phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này ban hành Danh mục hoạt chất cấm sử dụng và hạn chế phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (sau đây gọi chung là chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động mua bán, sản xuất, kinh doanh, thực hiện việc đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế tại Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Danh mục hoạt chất

1. Ban hành Danh mục hoạt chất cấm sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế quy định tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này.

2. Ban hành Danh mục hoạt chất hạn chế phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế quy định tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2020.

2. Thông tư số 47/2017/TT-BYT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục các hoạt chất cấm sử dụng và hạn chế phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế tại Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đã được cấp số đăng ký lưu hành trước ngày thông tư này có hiệu lực được tiếp tục sản xuất, nhập khẩu trong thời hạn tối đa 01 năm, được buôn bán, sử dụng tối đa 02 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành trong các trường hợp như sau:

a) Chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế chứa một trong các hoạt chất Chlorpyrifos ethyl, Hexythiazox, Fipronil, Beta-cyfluthrin, Cyfluthrin, Trichlorfon, Diazinon, Acephate, Malathion và Methanol quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế chứa một trong các hoạt chất Emamectin benzoate và Spinosad có phạm vi sử dụng không phù hợp với quy định về hạn chế phạm vi sử dụng tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, ngừng toàn bộ việc tiếp nhận mới, xử lý, thẩm định các hồ sơ đăng ký chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đã nộp trước ngày thông tư này có hiệu lực thi hành có chứa một trong các hoạt chất Chlorpyrifos ethyl, Hexythiazox, Fipronil, Beta-cyfluthrin, Cyfluthrin, Trichlorfon, Diazinon, Acephate, Malathion và Methanol.

3. Các chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế có chứa các hoạt chất quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này đã được cấp số đăng ký lưu hành trước ngày Thông tư này có hiệu thi hành thì chỉ được quảng cáo sản phẩm theo đúng phạm vi tác dụng đã được ghi trên giấy chứng nhận đăng ký lưu hành. Trường hợp muốn quảng cáo mở rộng phạm vi tác dụng quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này, cơ sở đăng ký phải thực hiện việc đăng ký lưu hành bổ sung theo quy định của Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế và Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh thanh tra Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng Cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng Cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng y tế ngành và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế để xem xét giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Xuân Tuyên

Phụ lục số 01

DANH MỤC HOẠT CHẤT CẤM SỬ DỤNG TRONG CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN DÙNG TRONG LĨNH VỰC GIA DỤNG VÀ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2020/TT-BYT ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	Tên hoạt chất	Mã số CAS[1]
1	Acephate	30560-19-1
2	Aldrin	309-00-2
3	Benzene hexachloride (BHC)	58-89-9
4	Beta-cyfluthrin	68359-37-5
5	Chlordance	57-74-9
6	Chlordecone	143-50-0
7	Chlorpyrifos ethyl	2912-88-2
8	Cyfluthrin	68359-37-5
9	Diazinon	333-41-5
10	Dichlorodiphenyltrichloroethane (DDT)	50-29-3
11	Dichlovos	62-73-7
12	Dieldrin	60-57-1
13	Endosulfan và các đồng phân	
14	Endrin	72-20-8
15	Fipronil	120068-37-3
16	Heptachlor	76-44-8
17	Hexachlorobenzene	118-74-1
18	Hexachlorocyclohexane và các đồng phân	
19	Hexythiazox	78587-05-0

[1] *CAS là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh "Chemical Abstracts Service". Mã số CAS là mã đăng ký tóm tắt hóa học gồm chuỗi số định danh nguyên tố hóa học, hợp chất hóa học.*

TT	Tên hoạt chất	Mã số CAS[1]
20	Hoạt chất sinh học diệt côn trùng, diệt khuẩn (trừ vi khuẩn: Bacillus thuringiensis israelensis (Bti), strain AM65-52, 266-2)	
21	Hợp chất chứa Cadmium	
22	Hợp chất Chì	
23	Isobenzen	297-78-9
24	Isodrin	465-73-6
25	Lindane	58-89-9
26	Malathion	121-75-5
27	Methanol *(Không được đăng ký là hoạt chất chính trong chế phẩm diệt khuẩn. Trong chế phẩm, hàm lượng tạp chất Methanol không lớn hơn 2.000mg/l)*	67-56-1
28	Methamidophos	10265-92-6
29	Methyl Parathion	298-00-0
30	Monocrotophos	6923-22-4
31	Mirex	2385-85-5
32	Naphthalene	91-20-3
33	Paradichlorobenzene (1,4-Dichlorobenzene, p-DCB)	106-46-7
34	Parathion Ethyl	56-38-2
35	Pentachlorophenol (PCP) và các muối của hoạt chất này	
36	Perflurooctan sulfonic acid và các muối hoạt chất này	
37	Phosphamidon	13171-21-6
38	Polychlorinated Biphenyls (PCB)	1336-36-3
39	Strobane	8001-50-1
40	Toxaphen	8001-35-2
41	Trichlorfon	52-68-6

Phụ lục số 02

DANH MỤC HOẠT CHẤT HẠN CHẾ PHẠM VI SỬ DỤNG TRONG CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN DÙNG TRONG LĨNH VỰC GIA DỤNG VÀ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2020/TT-BYT ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	Tên hoạt chất	Mã số CAS[1]	Phạm vi sử dụng hạn chế
1	Agnique™ MMF	52292-17-8	Chỉ sử dụng để diệt bọ gậy, không dùng trong nước ăn uống và nước sinh hoạt
2	Bacillus thuringiensis israelensis (Bti), train AM65-52, 266-2		Chỉ sử dụng để diệt bọ gậy, không dùng trong nước ăn uống, sinh hoạt
3	Bromchlophos	53095-31-1	Chỉ phun dạng hạt thể tích cực nhỏ (phun ULV) để diệt ruồi ngoài nhà
4	Diethyl toluamid	134-62-3	Không sử dụng cho trẻ em dưới 4 tuổi
5	Diflubenzuron	35367-38-5	Chỉ sử dụng để diệt bọ gậy, không dùng trong nước ăn uống, sinh hoạt
6	Dimethyl phthalate	131-11-3	Nồng độ sử dụng dưới 30%, không sử dụng cho trẻ em dưới 4 tuổi
7	Emamectin benzoate	155569-91-8	Chỉ sử dụng trong chế phẩm dạng bả diệt gián hàm lượng dưới 0,2%
8	Fenitrothion	122-14-5	Chỉ phun dạng hạt thể tích cực nhỏ (phun ULV) để diệt ruồi, muỗi, gián ngoài nhà
9	Methoprene	40596-69-8	Chỉ sử dụng để diệt bọ gậy, không dùng trong nước ăn uống, sinh hoạt

[1] *CAS là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh "Chemical Abstracts Service". Mã số CAS là mã đăng ký tóm tắt hóa học gồm chuỗi số định danh nguyên tố hóa học, hợp chất hóa học.*

TT	Tên hoạt chất	Mã số CAS[1]	Phạm vi sử dụng hạn chế
10	Novaluron	116714-46-6	Chỉ sử dụng để diệt bọ gậy, không dùng trong nước ăn uống, sinh hoạt
11	Spinosad	168316-95-8	Không sử dụng trong nước ăn uống, sinh hoạt
12	Temephos	3383-96-8	Chỉ sử dụng để diệt bọ gậy, không dùng trong nước ăn uống, sinh hoạt
13	Pyriproxyfen	95737-68-1	Không dùng trong nước ăn uống, sinh hoạt